

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 05-01-2018

V/v Ly hôn và t/c nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Diệp Hồng Tân

***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Huỳnh Ngọc Song

2. Ông Vương Hoàng Phúc

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà S Thị Hồng Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành không tham gia phiên tòa.***

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2017/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 10 năm 2017, về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2017/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *N đơn:* Bà Trương Thị D, sinh năm 1976 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành S, sinh năm 1973 (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Em Nguyễn Thành T, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1994 (vắng mặt)

Em Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2004 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp B, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 15/8/2017 và lời khai tại tòa bà Trương Thị D là N đơn trình bày:* Năm 1993 bà với ông S kết hôn với nhau, đến năm 2002 hai bên mới đến Ủy ban nhân dân xã Long Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh đăng ký kết

hôn. Sau khi kết hôn về chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình kéo dài đến năm 2015, bà D ly thân với ông S đến nay.

*Về con chung:* Có 02 người con chung tên Nguyễn Thành T, sinh năm 1994 và Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2004

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có

Nay bà Trương Thị D yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Thành S, yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thảo N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

Tại phiên tòa bà D vẫn giữ N yêu cầu, không có thay đổi bổ sung, sửa chữa gì thêm.

Về tố tụng: ông Nguyễn Thành S vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

Về quan hệ tranh chấp: Vụ án ly hôn và tranh chấp nuôi con chung; căn cứ Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nhận thấy, do có tìm hiểu quen biết trước năm 1993 bà D với ông xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà D tại phiên tòa, N nhân mâu thuẫn gia đình do ông S không lo làm ăn phụ giúp gia đình, vợ chồng thường xuyên cự cãi với nhau, ông S đã nhiều lần đánh đập hành hạ bà, mặc dù bà có khuyên ngăn nhưng ông S không thay đổi

Đối với em Nguyễn Thảo N mặc dù có đơn xin giải quyết vắng mặt, nhưng tại bản tự khai ngày 23/10/2017 em Thảo N có nguyện vọng sống chung với mẹ bà Trương Thị D, xét nguyện vọng của em Thảo N là chính đáng nghĩ nên chấp nhận. Riêng đối với em Nguyễn Thành T, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1994, em đã trưởng thành nên em muốn sống chung với cha hay mẹ tùy em.

Riêng đối với ông Nguyễn Thành S là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông S cố tình vắng mặt không rõ lý do, như vậy mặc nhiên ông S đã thông nhất ly hôn với bà D.

Xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa bà D với ông S ngày càng trầm trọng không hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình,

Xét yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung của bà D là có căn cứ chấp nhận.

*Về con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của em Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2004, tự nguyện sống chung với bà D, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thành S được quyền tới thăm chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có

*Về án phí:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án, của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Trương Thị D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Bởi các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 54, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi con chung của bà Trương Thị D.

Tuyên xử: Cho bà Trương Thị D ly hôn với ông Nguyễn Thành S.

*Về con chung:* Ghi nhận sự tự nguyện của em Nguyễn Thảo N, sinh ngày 15 tháng 3 năm 2004, tự nguyện sống chung với bà D, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng đối với em Nguyễn Thành T, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1994, em đã trưởng thành nên em sống chung với cha hay mẹ tùy em.

Ông Nguyễn Thành S được quyền tới thăm chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Không có

*Về án phí:* Bà Trương Thị D phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số: 0012390, ngày 05 tháng 10 năm 2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho bà Trương Thị D biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Nguyễn Thành S, em Nguyễn Thành T và em Nguyễn Thảo N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú, để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ Toạ phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

DIỆP HỒNG TÂN